

Số: 52/2026/QĐ-UBND

Huế, ngày 22 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng
trên địa bàn thành phố Huế**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành Quy chế Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Quyết định này thay thế Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) và Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm

2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố được ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Văn hóa và Thể thao, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Cổng Thông tin Điện tử thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hữu Thùy Giang

QUY CHẾ
Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng
trên địa bàn thành phố Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND của
UBND thành phố Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế;

b) Việc đặt tên, đổi tên đường cao tốc, đường quốc lộ, đường chuyên dùng, đường nội bộ của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và đặt, đổi số hiệu đường bộ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ liên quan trong Quy chế này như: Đại lộ, đường, phố, ngõ (kiệt), ngách (hẻm), công trình công cộng, đô thị được hiểu theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

2. Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội được hiểu theo Quy định tại mục III Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT của Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ.

3. Một số từ ngữ khác quy định tại Quy chế này được hiểu như sau:

a) Công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng là các công trình công cộng có vị trí quan trọng về quy mô, diện tích, không gian kiến trúc lớn, bao gồm: Quảng trường, công viên, khu tưởng niệm danh nhân, các công trình văn hóa - nghệ thuật, thể dục thể thao, y tế, giáo dục, công trình phục vụ du lịch và vui chơi giải trí thuộc quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị cấp thành phố; cầu giao thông nối liền các đại lộ, quốc lộ, đường liên thành phố;

b) Cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng là cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý công trình công cộng;

c) Cơ quan, đơn vị quản lý dự án là đơn vị trực tiếp quản lý khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín;

d) Xe cơ giới theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

Chương II

ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 3. Nguyên tắc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng

1. Nguyên tắc chung:

a) Tất cả các đường, phố và công trình công cộng tại các xã, phường của thành phố Huế được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định thì được xem xét để đặt tên;

b) Công tác đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế phải gắn với quy hoạch phát triển đô thị, mang tính khoa học, lịch sử, văn hóa và định hướng chiến lược lâu dài; có sự hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa quốc gia và địa phương;

c) Không đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử - văn hoá của dân tộc, của địa phương và đã ăn sâu vào trong tiềm thức, tình cảm của Nhân dân qua nhiều thế hệ. Trường hợp đường, phố và công trình công cộng đã đặt tên mà xét thấy không có ý nghĩa lịch sử - văn hoá, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương hoặc tên gọi chưa đúng với hồ sơ, tài liệu lý lịch khoa học đã được kiểm chứng, kiểm duyệt hoặc tên gọi gây ảnh hưởng, tác động không tốt trong xã hội thì phải xem xét để đổi tên. Quá trình xem xét để đổi tên phải thận trọng và tổ chức lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan quản lý, đơn vị chuyên môn, nhà nghiên cứu và ý kiến rộng rãi của Nhân dân địa phương;

d) Không đặt tên đường, phố hoặc công trình công cộng bằng các tên gọi khác nhau của một danh nhân trên cùng một địa bàn cấp xã. Trong trường hợp đặc biệt thì cần xem xét kỹ lưỡng, gắn với từng trường hợp cụ thể, các mốc lịch sử cụ thể trong cuộc đời hoạt động của danh nhân để có phương án xử lý phù hợp;

đ) Việc đặt tên danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, quốc hiệu và danh từ có ý nghĩa tiêu biểu phải phù hợp, tương xứng với vị trí, cấp độ, quy mô của tuyến đường, phố và công trình công cộng.

2. Nguyên tắc cụ thể:

a) Việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng phải được xây dựng thành Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét thẩm định và thông qua (trừ trường hợp đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thuộc khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín);

b) Lựa chọn tên danh nhân, nhân vật lịch sử tiêu biểu có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc trong các lĩnh vực; địa danh nổi tiếng; sự kiện lịch sử; di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng

cảnh gắn liền với thành phố Huế để đặt tên đường, phố và công trình công cộng. Ưu tiên sử dụng danh nhân, nhân vật lịch sử tiêu biểu có nhiều đóng góp to lớn trong các lĩnh vực là người địa phương hoặc gắn liền với địa phương; địa danh; sự kiện lịch sử và di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh của địa phương để đặt tên;

c) Tên danh nhân, nhân vật lịch sử được chọn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng phải là người đã từ trần trước thời điểm xét đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ít nhất 05 năm (trừ những trường hợp đặc biệt); trường hợp đặc biệt thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền sau khi có ý kiến thống nhất đồng ý của Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Huế;

d) Tên danh nhân nước ngoài được xem xét đặt cho đường, phố và công trình công cộng phải là người nổi tiếng, có đức, có tài, có nhiều đóng góp to lớn đối với địa phương, đất nước trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật và phát triển tình hữu nghị giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ, các dân tộc được Nhân dân suy tôn, thừa nhận;

đ) Tên để đặt hoặc đổi cho đường, phố và công trình công cộng phải đảm bảo không trùng nhau giữa địa bàn xã, phường (trừ trường hợp tên đường, phố và công trình công cộng đã được đặt trước đây);

e) Tên để đặt tên hoặc đổi tên cho đường, phố và công trình công cộng phải được lựa chọn trong ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng của thành phố Huế đã được Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Huế thông qua. Trường hợp sử dụng tên gọi nằm ngoài ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng phải có ý kiến thống nhất đồng ý của Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Huế.

Điều 4. Yêu cầu, điều kiện để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng

1. Những tuyến đường, phố tại các xã, phường có hạ tầng đường bộ đã được thi công cơ bản hoàn thành, được sử dụng ổn định, kết nối thông suốt các tuyến đường lân cận (xác định được điểm đầu và điểm cuối) và có chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới từ 3,5m trở lên, có chiều dài từ 200m trở lên được xem xét đặt tên.

2. Trường hợp các tuyến đường được quy hoạch có một tuyến đường trục chính (đủ điều kiện đặt tên quy định tại khoản 1 Điều này) và có các tuyến đường ngang (chưa đủ điều kiện đặt tên quy định tại khoản 1 Điều này) song song với nhau cùng giao cắt với tuyến đường trục chính hoặc có kết nối với các tuyến đường lân cận trong tổng thể khu quy hoạch và xác định được điểm đầu, điểm cuối thì có thể xem xét đặt tên đường cho các tuyến đường ngang thay vì đặt kiệt.

3. Việc đặt tên cho các tuyến đường quy định tại khoản 2 Điều này được đặt tên theo cách thức như sau:

a) Tuyến đường trục chính đặt tên theo tên địa danh, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, sự kiện lịch sử, quốc hiệu và danh từ có ý nghĩa tiêu biểu;

b) Các tuyến đường ngang được đặt tên theo cách thức kết hợp tên đường trục chính quy định tại điểm a khoản này với số thứ tự (từ nhỏ đến lớn);

c) Không đặt tên danh nhân, nhân vật lịch sử cho tuyến đường trục chính hoặc các đường ngang.

4. Trường hợp đường quá dài thì căn cứ vào điều kiện cụ thể, có thể phân đoạn để đặt tên. Khi đường bị ngắt khúc bởi các đường giao nhau hoặc bị không chế bởi sông, suối, cầu, cống, vòng xoay, giao lộ thì đoạn kế tiếp có thể được đặt tên bằng tên gọi khác.

5. Tên các danh nhân, nhân vật lịch sử cùng thời kỳ hoặc cùng lĩnh vực hoạt động hoặc tên địa danh, sự kiện lịch sử, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn liền với nhau hoặc tên địa danh, sự kiện lịch sử, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có mối quan hệ với các danh nhân, nhân vật lịch sử thì được ưu tiên đặt gần nhau, tạo thành các cụm tên đường, phố (khu vực tên đường, phố) có liên quan với nhau.

6. Đối với việc đặt tên, đổi tên đường tại các khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín thì đặt tên theo cách thức tên đường và số thứ tự hoặc tên đường và tên dự án kết hợp với số thứ tự.

Điều 5. Xác định điểm đầu, điểm cuối của tuyến đường, phố

Việc xác định để chọn điểm đầu, điểm cuối của tuyến đường, phố căn cứ tính ổn định của tuyến đường theo quy hoạch phát triển đô thị trên từng địa bàn, dựa vào chiều dài tuyến đường theo hướng Bắc đến Nam, từ Đông sang Tây; từ Đông Bắc sang Tây Nam, từ Đông Nam sang Tây Bắc.

Điều 6. Phân nhóm đường, phố và nhóm công trình công cộng

1. Phân nhóm đường, phố đủ điều kiện đặt tên đường được xác định theo cấp kỹ thuật đường bộ (cấp thiết kế của đường) quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054-2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế với chiều rộng tối thiểu của phần xe chạy dành cho cơ giới, bao gồm 6 cấp:

a) Đường cấp I là đường có 6 làn xe, có chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới tối thiểu 22,5 m trở lên;

b) Đường cấp II là đường có 4 làn xe, có chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới tối thiểu 15,0m trở lên;

c) Đường cấp III là đường có 2 làn xe, có chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới tối thiểu 7,0m và chiều rộng nền đường từ 12m trở lên;

d) Đường cấp IV là đường có 2 làn xe, có chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới tối thiểu 7,0m và chiều rộng nền đường từ 9m trở lên;

đ) Đường cấp V là đường có 2 làn xe, có chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới tối thiểu 5,5m trở lên;

e) Đường cấp VI là đường có 1 làn xe và có chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới tối thiểu 3,5m trở lên; đường quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này.

2. Phân nhóm công trình công cộng để xem xét đặt tên, đổi tên trên địa bàn thành phố Huế được chia thành 2 nhóm là nhóm A và nhóm B:

a) Tiêu chí xác định công trình công cộng thuộc nhóm A hoặc nhóm B được xác định theo cấp công trình xây dựng đường, phố và công trình công cộng theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Quy chế này;

b) Công trình công cộng Nhóm A là các công trình công cộng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Quy chế này hoặc có cấp công trình từ loại II trở lên theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD;

c) Công trình công cộng Nhóm B là các công trình khác với quy định tại điểm b khoản này hoặc có cấp công trình từ loại III trở xuống theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Điều 7. Phân nhóm đặt tên đường, phố và công trình công cộng

1. Nhóm 1 là tên các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới của Việt Nam được UNESCO vinh danh; danh nhân, nhân vật lịch sử trên các lĩnh vực và lãnh đạo tiêu biểu Đảng và Nhà nước nổi tiếng, có đức, có tài, có nhiều công lao đóng góp to lớn mang tầm quốc gia, quốc tế được Nhân dân tôn vinh.

2. Nhóm 2 là tên các danh nhân, nhân vật lịch sử, lãnh đạo Đảng và Nhà nước có đức, có tài, có nhiều công lao đóng góp to lớn đối với đất nước và quê hương thành phố Huế được Nhân dân tôn vinh và đã được chứng minh, thẩm định qua các nguồn tư liệu đảm bảo tính chính xác, khoa học; tên danh nhân người nước ngoài tại điểm d khoản 2 Điều 3 Quy chế này; tên các địa phương trong nước và nước ngoài có mối quan hệ kết nghĩa với thành phố Huế; tên các địa danh, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam - thắng cảnh nổi tiếng, tiêu biểu của quốc gia và địa phương đã được xếp hạng.

3. Nhóm 3 là tên các nhân vật lịch sử, lãnh đạo thành phố Huế qua các thời kỳ có đức, có tài, có nhiều công lao đóng góp cho sự phát triển của vùng đất Huế được Nhân dân tôn vinh; tên các nhân vật lịch sử ở tỉnh, thành phố khác nổi tiếng, có đức, có tài, có công lao đóng góp cho sự phát triển của vùng đất Huế đã được chứng minh, thẩm định qua các nguồn tư liệu đảm bảo tính chính xác và khoa học; tên các địa danh cổ, tên công trình kiến trúc cổ nổi tiếng mang tầm của thành phố Huế; sự kiện lịch sử, địa danh và danh lam - thắng cảnh nổi tiếng, tiêu biểu của thành phố Huế.

4. Nhóm 4 là tên các nhân vật lịch sử, lãnh đạo qua các thời kỳ mang tầm địa phương của thành phố Huế có đức, có tài, có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp đấu tranh, giải phóng dân tộc và sự phát triển của vùng đất địa phương đó được Nhân dân tôn vinh hoặc đã được Đảng và Nhà nước phong tặng, truy tặng các danh hiệu khen thưởng cao quý; tên các nhân vật lịch sử ở tỉnh, thành phố khác nổi tiếng, có đức, có tài, có công lao đóng góp cho sự phát triển của vùng đất địa phương đó đã được chứng minh, thẩm định qua các nguồn tư liệu đảm bảo tính chính xác và khoa học, được Nhân dân thừa nhận; tên các địa danh cổ nổi tiếng của địa phương; sự kiện lịch sử, địa danh và danh lam -

thắng cảnh nổi tiếng, tiêu biểu của địa phương; tên các địa danh, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam - thắng cảnh nổi tiếng, tiêu biểu của quốc gia nhưng chưa được xếp hạng; tên các danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về lịch sử, chính trị, văn hóa, xã hội.

Điều 8. Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng theo phân nhóm

Căn cứ vào phân nhóm đường, phố và nhóm công trình công cộng quy định tại Điều 6 Quy chế này để lựa chọn tên phù hợp, tương xứng để đặt hoặc đổi tên đường, phố và công trình công cộng từ các nhóm đặt tên quy định tại Điều 7 Quy chế này, cụ thể:

1. Đặt tên, đổi tên đường, phố:
 - a) Đường, phố cấp I và cấp II thì lựa chọn tên thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 để đặt tên, đổi tên;
 - b) Đường, phố cấp III, cấp IV và cấp V thì lựa chọn tên thuộc nhóm 2, nhóm 3 để đặt tên, đổi tên;
 - c) Đường, phố cấp VI thì lựa chọn tên thuộc nhóm 4 để đặt tên, đổi tên;
 - d) Đường, phố cấp V trở lên thì có thể xem xét lựa chọn tên các địa danh cổ nổi tiếng mang tầm địa phương; sự kiện lịch sử, địa danh và danh lam - thắng cảnh nổi tiếng, tiêu biểu của địa phương thuộc tên nhóm 4 để đặt tên nếu tuyến đường đó đi qua xuyên suốt hoặc gắn liền mật thiết với địa danh, sự kiện lịch sử, danh lam - thắng cảnh đó.

2. Đặt tên, đổi tên công trình công cộng:
 - a) Công trình công cộng thuộc nhóm A thì lựa chọn tên thuộc nhóm 1, nhóm 2 để đặt tên, đổi tên.

Có thể xem xét lựa chọn tên các địa danh cổ mang tầm của thành phố, địa phương; sự kiện lịch sử, địa danh và danh lam - thắng cảnh nổi tiếng, tiêu biểu của tỉnh, địa phương thuộc nhóm 3 và nhóm 4 để đặt tên nếu công trình công cộng đó gắn liền mật thiết, tương xứng với địa danh, sự kiện lịch sử danh lam - thắng cảnh đó;

- b) Công trình công cộng thuộc nhóm B thì lựa chọn tên thuộc nhóm 3, nhóm 4 để đặt tên.

Trường hợp đề xuất lựa chọn tên thuộc nhóm 1, nhóm 2 để đặt tên cho công trình công cộng thuộc nhóm B phải có ý kiến thẩm định của Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng của thành phố Huế.

Điều 9. Tiêu chí xác lập ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng

1. Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới được UNESCO vinh danh.
2. Danh nhân, nhân vật lịch sử tầm quốc gia có công trạng, đóng góp lớn cho đất nước (bao gồm một số vị vua, quan có ảnh hưởng lớn đến đất nước trong các thời kỳ lịch sử của dân tộc hoặc các vị khởi xướng, lãnh đạo các phong trào yêu nước, cách mạng, các vị lãnh đạo tiêu biểu của Đảng và Nhà nước); nổi tiếng về tài đức, có đóng góp lớn cho đất nước ở từng lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực qua các thời kỳ lịch sử dân tộc.

3. Danh nhân, nhân vật lịch sử địa phương (gồm những người có công trạng tiêu biểu đối với địa phương, vùng đất Huế) có công trạng đóng góp lớn cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng vùng đất qua các thời kỳ lịch sử; những vị tiền hiền có công khai phá vùng đất; nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa và trong các lĩnh vực khác có tác phẩm giá trị được công nhận và lưu truyền đến ngày nay; các đồng chí lãnh đạo tiêu biểu của thành phố Huế và địa phương qua các thời kỳ; Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân; Anh hùng Lao động tiêu biểu qua các thời kỳ; Mẹ Việt Nam Anh hùng tiêu biểu có quê quán ở thành phố Huế.

4. Danh nhân nước ngoài nổi tiếng, có đức, có tài, có nhiều đóng góp to lớn đối với địa phương, đất nước trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật và phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc cũng như có ảnh hưởng đến lịch sử, văn hóa Việt Nam và thành phố Huế được Nhân dân suy tôn, thừa nhận.

5. Địa danh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam - thắng cảnh phải nổi tiếng, được nhiều người dân cả nước biết đến, gắn liền với lịch sử dân tộc, có ý nghĩa và giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc của thành phố Huế hoặc địa phương trong thành phố Huế; địa danh, tập quán đã sử dụng lâu đời và đi sâu vào tiềm thức của Nhân dân.

6. Tên địa phương trong nước và ngoài nước có mối quan hệ kết nghĩa, gắn bó đặc biệt với thành phố Huế thì có thể sử dụng cả tên tỉnh, thành phố và tên địa danh nổi tiếng của tỉnh, thành phố đó.

7. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương.

8. Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.

Chương III

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 10. Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng của thành phố Huế và Tổ Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng các xã, phường

1. Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Huế (sau đây viết tắt là Hội đồng Tư vấn thành phố Huế) do Ủy ban nhân dân thành phố Huế quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế.

2. Sở Văn hóa và Thể thao làm cơ quan Thường trực của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế; bộ phận Thư ký Hội đồng Tư vấn thành phố Huế gồm một số công chức kiêm nhiệm của phòng quản lý chuyên môn thuộc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế.

3. Thành phần Hội đồng Tư vấn thành phố Huế gồm có: Chủ tịch Hội đồng Tư vấn thành phố Huế là Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế; Phó Chủ tịch Hội đồng Tư vấn thành phố Huế và các Ủy viên Hội đồng Tư

vấn thành phố Huế gồm đại diện lãnh đạo của các cơ quan, tổ chức: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Huế, Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Huế, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Huế, Sở Xây dựng thành phố Huế, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế, Hội Khoa học Lịch sử thành phố Huế, các đơn vị có liên quan khác và mời một số nhà nghiên cứu.

Tùy theo tính chất của các Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, Hội đồng Tư vấn thành phố Huế có thể mời thêm đại diện lãnh đạo các ban, ngành, tổ chức và địa phương liên quan tham gia cuộc họp của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) thành lập Tổ Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại địa phương (sau đây gọi tắt là Tổ Tư vấn cấp xã), giao Phòng Văn hóa - Xã hội làm cơ quan Thường trực. Thành phần Tổ Tư vấn cấp xã gồm có: Tổ trưởng Tổ Tư vấn cấp xã là Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Tổ phó Tổ Tư vấn cấp xã là đại diện lãnh đạo của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) hoặc Phòng Kinh tế (đối với xã) và các Ủy viên Tổ Tư vấn cấp xã gồm đại diện của các cơ quan, tổ chức: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Ban xây dựng Đảng cấp xã; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã; Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công cấp xã và mời một số nhà nghiên cứu tham gia vào Tổ Tư vấn cấp xã.

Điều 11. Phương pháp làm việc, nhiệm vụ và kinh phí hoạt động của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế

1. Phương pháp làm việc:

a) Các thành viên Hội đồng Tư vấn thành phố Huế làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự nguyện; có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động, cuộc họp của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế và thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng Tư vấn thành phố Huế phân công;

b) Các cuộc họp Hội đồng Tư vấn thành phố Huế được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế tham dự. Trường hợp thành viên Hội đồng không sắp xếp dự họp được thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng Tư vấn thành phố Huế hoặc Thư ký Hội đồng Tư vấn thành phố Huế trước 01 ngày họp của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế;

c) Quyết định các nội dung, vấn đề liên quan đến công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế thực hiện theo cơ chế tập thể (đa số) và thống nhất ý kiến kết luận cuối cùng. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa nhiều thành viên Hội đồng Tư vấn thành phố Huế thì ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng Tư vấn thành phố Huế là quyết định cuối cùng của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế về nội dung, vấn đề đó;

d) Chủ tịch Hội đồng Tư vấn thành phố Huế được sử dụng con dấu và tài khoản của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế để điều hành hoạt động của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế.

2. Nhiệm vụ:

a) Tiếp nhận hồ sơ Đề án đặt tên, đổi tên đường của các xã, phường trên địa bàn thành phố Huế; công trình công cộng thuộc nhóm A; nhóm B nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

b) Tổ chức khảo sát kiểm tra thực trạng các tuyến đường, phố hoặc công trình công cộng đề nghị đặt tên hoặc đổi tên nêu tại điểm a khoản này;

c) Nghiên cứu, hướng dẫn và tham gia ý kiến để Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quản lý công trình công cộng hoàn chỉnh hồ sơ Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nêu tại điểm a khoản này;

d) Thẩm định hồ sơ Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nêu tại điểm a khoản này trước khi Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quản lý công trình công cộng trình Ủy ban nhân dân thành phố Huế xem xét trình Hội đồng nhân dân thành phố Huế thông qua Nghị quyết đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

đ) Tổ chức kiểm kê tên các đường, phố và công trình công cộng của các xã, phường đã được đặt tên; rà soát, phát hiện những tên đường, phố và công trình công cộng trùng nhau, chưa phù hợp hoặc còn ý kiến tranh luận hoặc chưa đảm bảo khoa học để đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Huế xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố Huế điều chỉnh hoặc thay đổi;

e) Nghiên cứu xác lập và thường xuyên bổ sung, cập nhật ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Huế; nghiên cứu phân loại và phân bổ ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Huế cho các xã, phường trên địa bàn thành phố Huế để sử dụng lâu dài.

3. Kinh phí hoạt động:

a) Kinh phí hoạt động của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế do ngân sách Nhà nước đảm bảo căn cứ vào nhiệm vụ được giao theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Sở Văn hóa và Thể thao. Việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành;

b) Nội dung và mức chi của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế được thực hiện theo quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế.

Điều 12. Phương pháp làm việc, nhiệm vụ và kinh phí hoạt động của Tổ Tư vấn cấp xã

1. Phương pháp làm việc:

a) Các thành viên Tổ Tư vấn cấp xã làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự nguyện; có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động, cuộc họp của Tổ Tư vấn cấp xã và thực hiện nhiệm vụ do Tổ trưởng Tổ Tư vấn cấp xã phân công;

b) Các cuộc họp Tổ Tư vấn cấp xã được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên của Tổ Tư vấn cấp xã tham dự. Trường hợp thành viên Tổ Tư vấn cấp xã không sắp xếp dự họp được thì phải báo cáo Tổ trưởng Tổ Tư vấn cấp xã ít nhất trước 01 ngày so với thời gian được mời dự họp;

c) Quyết định các nội dung, vấn đề liên quan đến công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thuộc địa bàn quản lý, Tổ Tư vấn cấp xã thực hiện theo cơ chế tập thể (đa số) và thống nhất ý kiến kết luận cuối cùng;

d) Tổ trưởng Tổ Tư vấn cấp xã được sử dụng con dấu của Phòng Văn hóa - Xã hội để điều hành hoạt động của Tổ Tư vấn cấp xã.

2. Nhiệm vụ của Tổ Tư vấn cấp xã:

a) Rà soát và tổng hợp danh mục các đường, phố và công trình công cộng đã được đặt tên thuộc địa bàn quản lý;

b) Nghiên cứu đề xuất bổ sung những tên gọi gắn liền với địa phương hoặc thành phố Huế mà chưa có trong ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Huế; rà soát và đề nghị Hội đồng Tư vấn thành phố Huế điều chỉnh hoặc bổ sung nội dung trong ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Huế phân bổ về địa phương chưa hợp lý hoặc chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương;

c) Lập danh mục tên các đường, phố, công trình công cộng cần đặt tên hoặc đổi tên thuộc địa bàn quản lý;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đặt tên hoặc đổi tên các công trình công cộng thuộc nhóm B;

đ) Xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng thuộc địa bàn quản lý (trừ trường hợp các tuyến đường hoặc công trình công cộng nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín hoặc đặt tên, đổi tên đường là quốc lộ);

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan chuyên môn liên quan, các nhà khoa học và ý kiến của Nhân dân về các nội dung thuộc Đề án nêu tại điểm đ khoản này;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Hội đồng Tư vấn thành phố Huế và Sở Tư pháp thành phố Huế thẩm định các nội dung liên quan đến hồ sơ Đề án nêu tại điểm đ khoản này;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ Đề án nêu tại điểm đ khoản này để trình Ủy ban nhân dân thành phố Huế xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố Huế thông qua;

i) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với trường hợp đặt tên, đổi tên các tuyến đường, công trình công cộng nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín;

k) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí kinh phí hoạt động của Tổ Tư vấn cấp xã hằng năm.

3. Kinh phí hoạt động của Tổ Tư vấn cấp xã được bố trí trong dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã hằng năm. Việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Chương IV

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 13. Xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thuộc thẩm quyền quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này).

2. Cơ quan, đơn vị quản lý dự án, quản lý công trình công cộng chủ trì xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Cơ quan, đơn vị quản lý dự án, quản lý công trình công cộng chủ trì xây dựng phương án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín.

4. Trường hợp công trình công cộng nhóm A và nhóm B thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên mà nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có công trình công cộng làm việc, thống nhất bằng văn bản cử đại diện 01 xã hoặc 01 phường chủ trì xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng đó gửi Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế thống nhất trước khi tổ chức triển khai xây dựng Đề án.

5. Kinh phí xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; tổ chức đặt biển tên đường, phố, công trình công cộng do Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng đảm nhiệm.

Điều 14. Thẩm quyền thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng

1. Hội đồng Tư vấn thành phố Huế thẩm định nội dung, lý lịch khoa học của Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố của Ủy ban nhân dân cấp xã; Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng thuộc nhóm A và công trình công cộng thuộc nhóm B nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên theo quy định của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT.

2. Sở Tư pháp thành phố Huế thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thông qua hoặc quyết định việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Tổ Tư vấn cấp xã thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng thuộc nhóm B.

4. Đối với việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín, Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến về phương án đặt tên, đổi tên của cơ quan, đơn vị quản lý dự án, quản lý công trình công cộng.

Điều 15. Thẩm quyền đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng

1. Hội đồng nhân dân thành phố Huế thông qua Nghị quyết đặt tên, đổi tên đường trên địa bàn thành phố Huế; công trình công cộng thuộc nhóm A.
2. Ủy ban nhân dân thành phố Huế quyết định đặt tên, đổi tên công trình công cộng thuộc nhóm B nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đặt tên, đổi tên công trình công cộng thuộc nhóm B (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này).
4. Cơ quan, đơn vị quản lý dự án, quản lý công trình công cộng quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín sau khi tiếp thu ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã về phương án đặt tên, đổi tên của cơ quan, đơn vị.

Điều 16. Hồ sơ Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố

1. Tờ trình đề nghị đặt tên, đổi tên đường, phố.
2. Báo cáo hoặc biên bản lấy ý kiến Nhân dân về Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố.
3. Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố:
 - a) Nội dung Đề án: Sự cần thiết của việc đặt tên, đổi tên đường, phố; Cơ sở xây dựng Đề án (cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và thực tiễn); Các nguyên tắc và yêu cầu trong quá trình thực hiện Đề án (đảm bảo tính toàn diện cân đối; đảm bảo tính quan hệ, liên kết giữa các tuyến đường về nội dung; đảm bảo tính đặc thù; đảm bảo tính thống nhất); Thống kê tổng số tuyến đường, phố đã được đặt tên, đổi tên trên địa bàn trong giai đoạn trước khi lập Đề án; Số lượng tuyến đường, phố dự kiến sẽ đặt tên, đổi tên trong Đề án; Phân nhóm số lượng tuyến đường, phố dự kiến sẽ đặt tên, đổi tên trong Đề án theo quy mô hiện trạng tuyến đường, phố (chiều dài mặt đường, chiều rộng mặt đường, nền đường (lộ giới), loại mặt đường); Phụ lục lý lịch khoa học các tên đường đề nghị đặt tên, đổi tên; Phụ lục lý lịch khoa học các tên đường, phố dự phòng để thay thế (nếu có); Phụ lục thông số kỹ thuật của từng tuyến đường, phố đề nghị đặt tên, đổi tên (điểm đầu, điểm cuối, hiện trạng chiều dài mặt đường, hiện trạng chiều rộng mặt đường, nền đường (lộ giới), loại mặt đường, quy hoạch chiều dài mặt đường, quy hoạch chiều rộng mặt đường); kinh phí thực hiện Đề án (nếu có); tổ chức thực hiện Đề án; kiến nghị, đề xuất;
 - b) Tập ảnh hiện trạng các tuyến đường, phố in trên khổ giấy A3. Ảnh màu; khổ 10 cm x 15 cm; chú thích tên đường, phố dự kiến các tuyến đường, phố; mỗi tuyến đường, phố 02 ảnh màu (01 ảnh ở vị trí điểm đầu; 01 ảnh ở vị trí điểm cuối);
 - c) Sơ đồ chỉ vị trí các tuyến đường in trên khổ giấy A3.
4. Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố Huế trình Hội đồng nhân dân thành phố Huế thông qua Nghị quyết đặt tên, đổi tên đường, phố.
5. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Huế thông qua đặt tên, đổi tên đường, phố.
6. Văn bản thẩm định của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế.

7. Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp thành phố Huế.

Điều 17. Hồ sơ Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng

1. Tờ trình đề nghị đặt tên, đổi tên công trình công cộng.

2. Báo cáo hoặc biên bản lấy ý kiến Nhân dân về Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng.

3. Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng:

a) Nội dung Đề án: Sự cần thiết của việc đặt tên, đổi tên công trình công cộng; Cơ sở xây dựng Đề án (cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và thực tiễn); Các nguyên tắc và yêu cầu trong quá trình thực hiện Đề án; phân nhóm công trình công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này; quy mô công trình công cộng; Quá trình xây dựng công trình công cộng; Thông số kỹ thuật liên quan đến công trình công cộng; kinh phí thực hiện Đề án (nếu có); tổ chức thực hiện Đề án; Lý lịch khoa học tên công trình công cộng dự kiến đề nghị đặt tên, đổi tên; kiến nghị, đề xuất; Phụ lục lý lịch khoa học các tên công trình công cộng dự phòng để thay thế (nếu có);

b) Tập ảnh hiện trạng công trình công cộng in trên khổ giấy A3 (ảnh màu; khổ 10 cm x 15 cm; một công trình công cộng ít nhất 05 ảnh màu).

4. Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố Huế trình Hội đồng nhân dân thành phố Huế thông qua Nghị quyết đặt tên, đổi tên công trình công cộng (đối với công trình công cộng nhóm A); Dự thảo Quyết định đặt tên, đổi tên công trình công cộng của Ủy ban nhân dân thành phố Huế (đối với công trình công cộng thuộc nhóm B nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên).

5. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Huế thông qua đặt tên, đổi tên đường, phố hoặc công trình công cộng (đối với công trình công cộng nhóm A).

6. Văn bản thẩm định của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế (đối với công trình công cộng nhóm A).

7. Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp thành phố Huế (đối với công trình công cộng nhóm A).

Điều 18. Hồ sơ đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín

1. Văn bản đề nghị đặt tên, đổi tên đường, phố hoặc công trình công cộng.

2. Báo cáo hoặc biên bản lấy ý kiến Nhân dân nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín về phương án đặt tên, đổi tên đường, phố hoặc công trình công cộng.

3. Phụ lục thông số kỹ thuật của tuyến đường, phố đề nghị đặt tên, đổi tên (điểm đầu, điểm cuối, hiện trạng chiều dài mặt đường, hiện trạng chiều rộng mặt đường, nền đường (lộ giới), loại mặt đường, quy hoạch chiều dài mặt đường, quy hoạch chiều rộng mặt đường); hoặc phân nhóm công trình công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này, quy mô công trình công cộng và quá trình xây dựng công trình công cộng đối với đề nghị đặt tên, đổi tên công trình công cộng.

4. Ảnh hiện trạng của tuyến đường, phố. Ảnh màu; khổ 10 cm x 15 cm; chú thích tên đường, phố dự kiến các tuyến đường, phố; mỗi tuyến đường, phố 02 ảnh màu (01 ảnh ở vị trí điểm đầu; 01 ảnh ở vị trí điểm cuối); hoặc tập ảnh hiện trạng công trình công cộng in trên khổ giấy A3 (ảnh màu; khổ 10 cm x 15 cm; một công trình công cộng ít nhất 05 ảnh màu) đối với đề nghị đặt tên, đổi tên công trình công cộng.

Điều 19. Trình tự, thủ tục thẩm định, thông qua Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và lấy ý kiến đặt tên, đổi tên đường, phố nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín

1. Đối với Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố do Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì xây dựng Đề án:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 16 (trừ khoản 6 và khoản 7) tới Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp xã nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo cần nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ khoa học liên quan;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn nêu trên, nếu chưa nhận được hồ sơ đã hoàn thiện, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế trả lại hồ sơ;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế có trách nhiệm tổ chức mời các thành viên Hội đồng Tư vấn thành phố Huế cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành khảo sát thực địa các tuyến đường thuộc Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc khảo sát thực địa các tuyến đường thuộc Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế có trách nhiệm tổ chức cuộc họp Hội đồng Tư vấn thành phố Huế để thẩm định Đề án;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp Hội đồng Tư vấn thành phố Huế, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế có trách nhiệm tham mưu Hội đồng Tư vấn thành phố Huế ban hành văn bản thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

g) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Đề án;

h) Sau khi hoàn thiện Đề án theo ý kiến thẩm định của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 16 (trừ khoản 7) tới Sở Tư pháp thành phố Huế thẩm định. Thời hạn thẩm định của Sở Tư pháp thành phố Huế thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

i) Sau khi hoàn thiện Đề án theo ý kiến thẩm định của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế và Sở Tư pháp thành phố Huế, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 16 tới Ủy ban nhân dân thành phố Huế để xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố Huế.

2. Đối với việc đặt tên, đổi tên đường, phố nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý dự án gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 18 tới Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, rà soát và có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý về phương án đặt tên, đổi tên gửi cơ quan, đơn vị quản lý dự án;

c) Việc đặt tên, đổi tên đường, phố nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín cơ quan, đơn vị quản lý dự án chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 20. Trình tự, thủ tục thẩm định, thông qua Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng nhóm A

1. Thành phần hồ sơ thẩm định, thông qua Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng nhóm A thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, thông qua Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng nhóm A thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quy chế này.

Điều 21. Trình tự, thủ tục thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng nhóm B nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên

1. Cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao chủ trì xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 17 tới Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao chủ trì xây dựng Đề án nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo cần nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ khoa học liên quan.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế, cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao chủ trì xây dựng Đề án có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn nêu trên, nếu chưa nhận được hồ sơ đã hoàn thiện, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế trả lại hồ sơ.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế có trách nhiệm tổ chức cuộc họp Hội đồng Tư vấn thành phố Huế để thẩm định Đề án.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp Hội đồng Tư vấn thành phố Huế, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế có trách nhiệm

tham mưu Hội đồng Tư vấn thành phố Huế ban hành văn bản thẩm định Đề án gửi cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao chủ trì xây dựng Đề án.

6. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định Đề án của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế, cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao chủ trì xây dựng Đề án có trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Đề án.

7. Sau khi hoàn thiện Đề án theo ý kiến thẩm định của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế, cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 17 tới Ủy ban nhân dân thành phố Huế để xem xét, quyết định đặt tên, đổi tên.

Điều 22. Trình tự, thủ tục thẩm định Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng nhóm B

1. Đối với công trình công cộng do cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng chủ trì xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17 tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình công cộng;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo cần nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ khoa học liên quan;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị quản lý công trình công cộng có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn nêu trên, nếu chưa nhận được hồ sơ đã hoàn thiện, Ủy ban nhân dân cấp xã trả lại hồ sơ;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cuộc họp Tổ tư vấn cấp xã để thẩm định Đề án và ban hành quyết định đặt tên, đổi tên công trình công cộng.

2. Đối với công trình công cộng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đặt tên, đổi tên:

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Tổ Tư vấn cấp xã xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17 để trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đặt tên, đổi tên công trình công cộng.

Điều 23. Công bố, gắn biển tên đường, phố và công trình công cộng

1. Cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng có trách nhiệm công bố về các tên đường, phố và công trình công cộng sau khi cấp có thẩm quyền đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

2. Cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng hoặc lấy ý kiến đặt tên, đổi tên đường là quốc lộ hoặc đặt tên, đổi tên đường, phố nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín tổ chức triển khai việc gắn biển tên đường và biển tên công trình công cộng thuộc phạm vi quản lý theo quy định; lắp đặt bảng tóm tắt giới thiệu tên đường, phố và công trình công cộng tại vị trí trang trọng, không làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

3. Trường hợp đặt tên, đổi tên đường, phố nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín thì không cần lắp đặt bảng tóm tắt giới thiệu về tên đường.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao

1. Cơ quan Thường trực Hội đồng Tư vấn thành phố Huế, chủ trì phối hợp tham mưu triển khai, thực hiện công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế.

2. Phối hợp với Hội đồng Tư vấn thành phố Huế quản lý, điều chỉnh, bổ sung, nâng cấp ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng và thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế; rà soát, đánh giá công tác tên đường, phố và các công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc gắn biển tên đường, phố, tên công trình công cộng và bảng tóm tắt giới thiệu về tên đường, phố, tên công trình công cộng.

4. Xây dựng và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Tư vấn thành phố Huế hằng năm.

5. Phối hợp tuyên truyền công lao đóng góp của các danh nhân, nhân vật lịch sử cùng những giá trị lịch sử gắn liền; ý nghĩa lịch sử - văn hóa của các địa danh, sự kiện và danh từ được lựa chọn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 25. Trách nhiệm Sở Tư pháp

Chủ trì thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thông qua hoặc quyết định việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Phối hợp có ý kiến về hồ sơ, tài liệu quy hoạch và loại, cấp công trình xây dựng các đường, phố và công trình công cộng dự kiến đặt tên, đổi tên.

2. Phối hợp có ý kiến về hồ sơ, tài liệu thông số kỹ thuật đường và công trình giao thông đường bộ dự kiến đặt tên, đổi tên.

3. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc gắn biển tên đường, phố và công trình công cộng.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp rà soát hồ sơ, tài liệu liên quan đến hiện trạng sử dụng đất của các Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu phân bổ kinh phí ngân sách các cấp đảm bảo cho công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị liên quan tham mưu UBND thành phố đặt hàng, tài trợ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

2. Phối hợp hướng dẫn trong công tác số hóa, chuyển đổi số công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

Điều 30. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan

1. Phối hợp tham mưu thực hiện công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng và nội dung công việc khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Đề xuất, lựa chọn tên mới để đưa vào ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng (nếu có); cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến các tên đường, phố, tên công trình công cộng.

3. Giới thiệu, tuyên truyền công lao đóng góp của các danh nhân, nhân vật lịch sử cùng những giá trị lịch sử gắn liền; ý nghĩa lịch sử - văn hóa của các địa danh, sự kiện, quốc hiệu, danh từ được lựa chọn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Theo dõi, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thường xuyên rà soát, kịp thời tham mưu đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thuộc phạm vi quản lý.

2. Quyết định thành lập Tổ Tư vấn cấp xã.

3. Quyết định đặt tên, đổi tên công trình công cộng theo thẩm quyền. Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Huế trình Hội đồng nhân dân thành phố Huế quyết định đặt tên, đổi tên các đường, phố và công trình công cộng thuộc phạm vi quản lý, theo thẩm quyền.

4. Có ý kiến về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nằm trong khu chung cư, khu phức hợp, khu dân cư khép kín của cơ quan, đơn vị quản lý dự án, quản lý công trình công cộng.

5. Đề xuất, lựa chọn tên mới để đưa vào ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng.

6. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện gắn biển tên đường, phố và công trình công cộng theo thẩm quyền và đúng quy định.

7. Chỉ đạo công tác tuyên truyền việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn; ý nghĩa và giá trị gắn liền với sự kiện lịch sử, di tích lịch sử - văn hóa, địa danh, quốc hiệu, danh từ, danh nhân, nhân vật lịch sử được lựa chọn để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng để Nhân dân được biết và hiểu rõ.

8. Phân bổ nguồn kinh phí ngân sách cấp xã đảm bảo cho công tác đặt tên, đổi tên đường, công trình công cộng và hoạt động của Tổ Tư vấn cấp xã.

Điều 32. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý dự án, công trình công cộng

1. Chỉ đạo việc xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên công trình công cộng; Đề án đặt tên, đổi tên đường thuộc thẩm quyền theo đúng quy định.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện gắn biển tên đường, biển số nhà và công trình công cộng theo thẩm quyền và đúng quy định.

3. Thực hiện và tuân thủ trong việc triển khai công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng theo đúng quy định của Quy chế này./.